

Bản án số: 10/2023/ HNGĐ - ST
Ngày: 17/3/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Vũ Thị Thuỳ Dương
 2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh – kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 468/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T1 - Sinh năm 1994
Nơi đăng ký thường trú: Tổ 4, ấp 1, xã S, huyện C, Đồng Nai.
Chỗ ở: Ấp 8, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
 - Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T2 - Sinh năm 1992
Địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
- Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Tấn T2 tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã S theo giấy chứng nhận kết hôn số 63/2016 ngày 04/5/2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh con thứ nhất thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T2 có quan hệ ngoại tình với người thứ nhất thì chị đã tha thứ nhưng sau đó anh T2 tiếp tục có quan hệ ngoại tình với người thứ hai trước mặt chị và mọi người. Anh T2 bỏ bê không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị không thể chấp nhận cuộc sống vợ chồng được nữa nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2020. Nay không còn tình cảm với anh T2 nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Tấn P, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 01/11/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/ 2 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai đối chất bị đơn anh Nguyễn Tấn T2 trình bày: Anh thống nhất với chị T1 về việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh cũng thống nhất với chị T1 nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh ngoại tình nhưng anh đã biết lỗi, trong thời gian ly thân anh cũng cố gắng hết mức có thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng vì con, mong chị T1 suy nghĩ lại. Nay anh không đồng ý ly hôn. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con chung với mức 4.000.000 đồng/tháng/2 cháu. Tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Thu T1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với anh Nguyễn Tấn T2 và anh T2 hiện đăng ký hộ khẩu tại xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị T1 có đơn yêu cầu ly hôn anh T2 nên chị T1 là nguyên đơn, anh T2 là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 là phù hợp. Bị đơn anh Nguyễn Tấn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T2 vắng mặt do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T2 là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị T1 và anh T2 kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị T1 yêu cầu ly hôn với anh T2 vì anh Thành nhiều lần có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác bỏ bê gia đình nên chị không chấp nhận cuộc sống vợ chồng được nữa. Anh T2 cũng thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn là do anh ngoại tình nhưng anh biết lỗi mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Các bên cũng thống nhất anh T2 ngoại tình đến lần thứ hai. Do đó, xét thấy anh T2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhiều lần ngoại tình làm cho tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1.

[5] Về con chung: các đương sự thống nhất khi ly hôn giao 02 con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng và anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung với mức 4.000.000 đồng/tháng/ 2 cháu nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: không có và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T1.

1. Cho chị Nguyễn Thị Thu T1 được ly hôn anh Nguyễn Tấn T2.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 18/10/2017 và Nguyễn Tấn K, sinh ngày 01/11/2020 cho chị Nguyễn Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Anh Nguyễn Tấn T2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng/cháu. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, anh T2 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: chị T1 phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị T1 đã nộp tại biên lai số 00016367 ngày 16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị T1 đã nộp đủ án phí.

Anh T2 phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã S;
- Dương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Trung